

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung.

Bà Mai Thị Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1989,

Địa chỉ cư trú: Thôn Á, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1992,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Á, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện tại: Nhật Bản.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Vũ Văn H trình bày: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 15/11/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng, quá trình chung sống đến năm 2015 thì anh đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu anh chị vẫn liên lạc với nhau nhưng do anh không có tiền gửi về nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, từ đó anh chị không liên lạc với nhau. Khi anh về nước thì được biết chị T đã đi lao động ở nước ngoài từ lâu, không có mặt tại Việt Nam. Anh xác định vợ chồng sống xa cách thời gian dài, tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Bùi Khánh L, sinh ngày 31/10/2014 hiện đang sống cùng bà Trần Thị T1. Anh đề nghị giao cháu Vũ Bùi Khánh L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi) và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị T không có mặt ở Việt Nam bà Trần Thị T1 có trách nhiệm chăm sóc cháu L cho đến khi chị T về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị T. Bà Trần Thị T1 (là mẹ đẻ chị T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị T vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T biết, thông qua gia đình chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh H trình bày là đúng, chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Bùi Khánh L cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Trần Thị T1 chăm sóc con Vũ Bùi Khánh L cho đến khi chị về nước. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị T1 nhất trí thay chị T chăm sóc cháu Vũ Bùi Khánh L cho đến khi chị T về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu L.

Con chung của anh H và chị T là cháu Vũ Bùi Khánh L có nguyện vọng được ở với chị T và bà T1.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi anh H, chị T đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh H và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương, quá trình chung sống

được một thời gian thì anh H đi lao động nước ngoài, sau đó chị T cũng đi lao động ở nước ngoài, tuy nhiên mỗi người đi một nước khác nhau, vợ chồng chủ yếu sống xa cách mỗi người một nơi, không có sự gần gũi, gắn bó. Nay anh H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Bùi Thị T. Về con chung: Giao con chung Vũ Bùi Khánh L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Vũ Bùi Khánh L cho bà Trần Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam. Anh H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vũ Văn H hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn chị Bùi Thị T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Á, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện chị T đang lao động tại Nhật Bản, do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị T cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T1 là mẹ đẻ chị T để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị T đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Bà T1 vẫn liên lạc với chị T và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị T. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn H và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 15/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì anh H đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu anh chị vẫn liên lạc điện thoại về nhau nhưng do mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã từ đó anh chị không liên lạc với nhau. Năm 2022 chị đi lao động tại Nhật Bản, năm 2024 anh về nước, vợ chồng sống xa cách từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Thông qua gia đình chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Vũ Văn H và chị Bùi Thị T có 01 con chung là Vũ Bùi Khánh L, sinh ngày 31/10/2014. Anh H chị T thống nhất giao cháu Vũ Bùi Khánh L cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L thành niên (tròn 18 tuổi). Cháu Vũ Bùi Khánh L có nguyện vọng được ở với chị T và bà T1. Chị T ủy quyền cho bà Trần Thị T1 chăm sóc cháu L cho đến khi chị về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị T, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Vũ Bùi Khánh L cho bà Trần Thị T1 nuôi dưỡng trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn H, xử cho anh Vũ Văn H ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Bùi Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Bùi Khánh L, sinh ngày 31/10/2014 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Vũ Bùi Khánh L cho bà Trần Thị T1 nuôi dưỡng trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000624 ngày 17/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn H và bà Trần Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường